

## SẢN PHẨM TÔM HS.030617 - THỊ TRƯỜNG NHẬT BẢN THỐNG KÊ THƯƠNG MẠI & CÁC ĐỐI THỦ CẠNH TRANH

### 1. Tổng khối lượng và giá trị nhập khẩu

Năm 2022, Nhật Bản là nước nhập khẩu lớn thứ 1 thế giới về các sản phẩm tôm shrimps và tôm prawn - HS.030617 của Việt Nam, sau Nhật Bản là Hoa Kỳ, Hàn Quốc, Trung Quốc, Úc, Đức và Canada. Trong giai đoạn 2018-2022, trung bình xuất khẩu hàng năm sản phẩm HS.030617 của Việt Nam sang Nhật Bản giảm -2% về giá trị, giảm -4% về khối lượng. Năm 2022, tổng nhập khẩu các sản phẩm này của Nhật Bản từ Việt Nam đạt 27.091 tấn, trị giá 339,184 triệu USD, chiếm 14,8% thị phần xuất khẩu của Việt Nam.

### 2. Các đối thủ cạnh tranh chính

Năm 2022, 6 nước cung cấp lớn nhất các loại tôm HS.030617 của Nhật Bản gồm Việt Nam (chiếm 22,5% trong tổng nhập khẩu của Nhật Bản), Ấn Độ (22,1%), Indonesia (19,1%), Argentina (11,4%), Thái Lan (6,5%) và Ecuador (3,7%). Việt Nam đứng vị trí thứ 1 trong năm 2022 là nước cung cấp sản phẩm HS.030617 sang Nhật Bản. Trong giai đoạn 2018-2022, tăng trưởng trung bình về giá trị của Việt Nam sang Nhật Bản giảm -2% về giá trị và giảm -4% về khối lượng; và quốc gia có tốc độ tăng trưởng xuất khẩu sang Nhật Bản ấn tượng là Ecuador với mức tăng trưởng trung bình về giá trị trong giai đoạn 2018-2012 sang Nhật Bản tăng 44% về giá trị và tăng 54% về khối lượng; tiếp đến là Argentina với mức tăng trưởng 5% về giá trị và tăng 2% về khối lượng; Indonesia cũng đạt tốc độ tăng trưởng với mức trung bình 2% về khối lượng nhưng về giá trị là không tăng. Trong giai đoạn 2018-2012, các nước có tốc độ tăng trưởng xuất khẩu mặt hàng mang mã số HS.030617 sang Nhật Bản cao nhất là Ả Rập Saudi với mức tăng trưởng 78% về giá trị và khối lượng, tiếp theo là Honduras với mức tăng trưởng 53% về giá trị và tăng 56% về khối lượng.

Các nước có tốc độ tăng trưởng xuất khẩu mặt hàng mang mã số HS.030617 sang Nhật Bản sụt giảm nhiều nhất trong giai đoạn 2018-2022 gồm Greenland (-66% về giá trị và -30% về khối lượng), Canada (-45% về giá trị và -42% về khối lượng), Hoa Kỳ (-20% về giá trị và -26% về khối lượng), Philippines (-20% về giá trị và -17% về khối lượng) và Đài Loan (Trung Quốc) (-18% về giá trị và -17% về khối lượng).

**Các nhà cung cấp sản phẩm HS.030617 lớn nhất của Nhật Bản, 2022**

STT	Quốc gia	Giá trị (Triệu USD)	Số lượng (Tấn)	Tăng trưởng về giá trị 2018-2022 (%)
	Thế giới	1.509,346	144.722	0
1	Việt Nam	339,184	27.091	-2
2	Ấn Độ	334,043	36.709	2
3	Indonesia	288,085	25.728	0
4	Argentina	172,795	16.517	5
5	Thái Lan	98,414	9.652	-7
6	Ecuador	55,163	6.572	44

(Nguồn: Trademap.org)

Theo ITC, một số nhà xuất khẩu Việt Nam xuất khẩu các sản phẩm HS.030617 sang Nhật Bản gồm:

- AFA Joint Stock Co. (<http://www.afasco.com.vn>)
- Amanda Foods (Vietnam) Co., Ltd. (<http://www.amandafoods.com>)
- An Chau Co., Ltd - Rep Office (<http://www.anchau.com.vn>)
- An Lac Seafood Co., Ltd (<http://www.anlaseafoods.com>)
- ANVIFISH Branch Office (<http://www.anvifish.com>)
- Aquatic Product Joint Stock Co. (<http://www.apt.com.vn>)
- Asia Marine Trading Processing Co. Ltd (<http://www.amcseafood.net>)
- Ba Ria-Vung Tau Seafood Processing And Import Export Joint Stock Co. (<http://www.baseafood.vn>)
- Basa JSC (<http://www.basaco.com.vn>)
- Cau Tre Export Goods Processing Joint Stock Co. (<http://www.cautre.com.vn>)
- Con Dao Seaproducts & Import Export Joint Stock Co. (<http://www.coimexvn.com>)
- Danang Seaproducts Import - Export Corporation (<http://www.seadanang.com.vn>)
- De Khang Phu Thanh Seafood Processing Co. Ltd (<http://www.dkptimex.com>)
- Dong Duong Seafood Import Export Co., Ltd. (<http://www.dongduongthanhdatt.com>)

- Gallant Ocean (Vietnam) Co., Ltd (<http://www.gallant-ocean.com>)
- Gepimex 404 Co. (<http://www.gepimex404.com.vn>)
- Hai Long JSC (<http://www.hailongseafood.com>)
- Hai Tien Co. Ltd (<http://www.haitienvn.com>)
- Hai Viet Joint Stock Company (<http://www.havicovn.com>)
- Manh Ha Co., Ltd (<http://www.manhhatuna.com>)
- Millennium Marine Products Co. Ltd (<http://www.millenniummarines.com>)
- Minh Phu Seafood Corp. (<https://minhphu.com>)
- Nam Can Seafood Import Export Joint Stock Co. (<http://www.seanamico.com.vn>)
- Pacific Food Co., Ltd. (<http://www.pacificfoodco.com>)
- Phi Long Ichiban Co. Ltd (<http://www.philongichiban.com.vn>)
- Phu Chi Pte Ent (<http://www.phuchivn.com>)
- Saigon Aquatic Products Trading Joint Stock Co. (<http://www.apt.com.vn>)
- Sao Ta Foods Joint Stock Co. (<https://www.fimexvn.com>)
- Seafood Joint Stock Co. No. 4 (<http://www.seafoodno4.com>)
- Seafood Processing And Export Factory No.I (<http://www.baseafood.vn>)
- Seafood Processing And Export Factory No. II (<http://www.baseafood.vn>)
- Seagift Co.,Ltd. (<http://www.seagift.com.vn>)
- Thanh Nhon Joint Stock Company (<http://www.thanhnhon.com>)
- Thinh An Co., Ltd (<http://www.vungtauseafood.com>)
- Tien Dat Seafood Processing Co., Ltd (<http://www.tiendatseafood.com.vn>)
- Tran Chau Service Trading Co., Ltd. (<http://www.tranchaovn.com>)
- Trung Son Foodstuff Corp. (<http://www.trungson.com.vn>)
- United Seafood Packers Co., Ltd. (<http://www.uspc.com.vn>)
- UTXI Aquatic Products Processing Co., Ltd. (<http://www.utxi.com.vn>)
- Viet Nhat Manufacturing Trading Import Export Co., Ltd. (<http://www.vietnhat.com>)

- Viet Phu Sea Products Processing Import Export (<http://www.viphimex-seafood.com>)
- Vietnam Aquatic Product Plc. (<http://www.seaprodexvn.com>)

### 3. Tình hình xuất khẩu của Việt Nam trong thời gian gần đây

Tình hình xuất khẩu tôm của Việt Nam sang Nhật Bản những tháng đầu năm 2023 gặp nhiều khó khăn do đồng yên sụt giá mạnh. Đến đầu tháng 7/2023, đồng yên chỉ còn khoảng 145 Yên/USD, điều này khiến giá bán tôm vào thị trường phải giảm theo đà giảm của đồng Yên.

Trong 3 nhóm sản phẩm tôm chính xuất khẩu sang Nhật Bản, riêng 6 tháng đầu năm 2023, tôm chân trắng đã chiếm 63,5%, tôm sú chiếm 17,9%, còn lại là tôm loại khác với 18,6%.

Giá trị xuất khẩu tôm chân trắng sang Nhật Bản trong nửa đầu năm 2023 đạt 150 triệu USD, giảm 26% so với cùng kỳ năm trước. Giá trị xuất khẩu tôm sú giảm 45%, đạt 42 triệu USD. Đáng chú ý, kim ngạch xuất khẩu tôm loại khác đạt 44 triệu USD, giảm nhẹ nhất trong các sản phẩm chính với -15%.

Trên thị trường Nhật Bản, tôm Việt phải cạnh tranh với tôm Ấn Độ và Ecuador. Theo số liệu của Trung tâm Thương mại Thế giới (ITC), 5 tháng đầu năm nay, trong khi nhập khẩu tôm từ Việt Nam ghi nhận đà giảm thì thị trường này lại tăng nhập khẩu từ Ấn Độ và Ecuador.

Tuy nhiên, thời gian gần đây, thị trường tôm đang có xu hướng ấm dần lên. Dự báo trong các tháng cuối năm 2023, yếu tố lạm phát, lượng hàng tồn kho ở các thị trường có xu hướng giảm và nhu cầu tăng cho các lễ hội cuối năm tăng, sẽ giúp cho xuất khẩu mặt hàng tôm tăng trở lại, đồng thời cho biết hiện cả nước đã có hơn 370 cơ sở chuyên và có kết hợp chế biến tôm đủ điều kiện xuất khẩu tôm với công suất trên 1,7 triệu tấn nguyên liệu/năm.

Các doanh nghiệp chế biến tôm tập trung chủ yếu tại các tỉnh Nam Trung Bộ và các tỉnh Đồng bằng sông Cửu Long. Mặt hàng tôm đã được chế biến đa dạng về mẫu mã và hình thức đáp ứng nhu cầu thị trường tiêu thụ, nhiều sản phẩm có giá trị gia tăng cao (tôm tẩm bột, tôm Nobashi, Sushi, Tempura...), qua đó, áp dụng được cả thị trường khó tính nhất là Nhật Bản. Bên cạnh đó, các doanh nghiệp đã tận dụng một số phụ

phẩm tôm để sản xuất các sản phẩm giá trị gia tăng cao cấp như chitin, chitosan, glucosamine, astaxanthin...

Hiện ngành tôm đang phải đối mặt với những khó khăn, thách thức như biến đổi khí hậu và hạn - mặn tại Đồng bằng sông Cửu Long biến động khó lường, dẫn đến nguy cơ bùng phát dịch bệnh. Nguồn giống chưa chủ động, phụ thuộc nhập khẩu và khai thác tự nhiên nên khó kiểm soát chất lượng.

Bên cạnh đó, hạ tầng vùng nuôi chưa đảm bảo, sản xuất nhỏ lẻ, manh mún còn chiếm đa số. Liên kết chuỗi sản xuất, xuất khẩu chưa chặt chẽ và hiệu quả. Quan trắc, cảnh báo môi trường nuôi còn yếu. Đặc biệt, giá thành sản xuất cao, năng lực cạnh tranh thấp.

Để nuôi tôm và ngành tôm phát triển bền vững, cần tiếp tục đẩy mạnh phát triển nuôi tôm và các khâu trong chuỗi sản xuất tôm theo hướng công nghệ cao; tổ chức sản xuất theo hướng liên kết, sản xuất có chứng nhận (VietGAP, GlobalGAP, ASC) để nâng cao chất lượng, giảm giá thành tăng sức cạnh tranh sản phẩm tôm trên thị trường thế giới.

Cần phải tập trung ứng dụng khoa học công nghệ mới để nâng cao năng suất, chất lượng sản phẩm và hiệu quả sản xuất đáp ứng nhu cầu thị trường; phát triển nuôi tôm và các khâu trong chuỗi sản xuất theo hướng công nghệ cao để giảm lao động trực tiếp, hạn chế lây lan dịch bệnh. (Nguồn: Vasep)

### Top các nguồn cung tôm chính cho Nhật Bản, T1-T7/2023

(ĐVT: Triệu USD)

STT	Quốc gia	T01	T02	T3	T4	T5	T6	T7
	Thế giới	96,158	83,363	74,656	109,392	83,019	83,218	87,892
1	Việt Nam	20,716	16,447	13,850	25,183	21,021	21,518	21,661
2	Indonesia	17,387	18,242	17,119	25,860	15,306	18,461	20,328
3	Ấn Độ	22,371	24,979	17,014	20,773	17,223	15,641	17,564
4	Argentina	14,436	6,623	6,698	7,097	6,470	7,294	7,132
5	Thái Lan	6,103	5,322	5,440	8,582	7,194	5,695	6,340
6	Ecuador	3,987	2,936	2,314	4,455	1,840	4,290	5,589

(Nguồn: trademap.org)